

**CÔNG TY TNHH TRIỆU DẠ MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRIỆU DẠ MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRIEU DA MINH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRIEU DA MINH CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108284011

**3. Ngày thành lập:** 21/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 1 Giáp Lục, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982578228

Fax:

Email: [taiphilong1978@gmail.com](mailto:taiphilong1978@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                   | 4520        |
| 2.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                              | 4542        |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                            | 4543        |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                  | 4610        |
| 5.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                   | 1410        |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn đồ lưu niệm, thủ công mỹ nghệ: móc chìa khóa                                                                             | 4669(Chính) |
| 7.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                        | 7310        |
| 8.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>+ Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);<br>+ Bán buôn xe có động cơ khác                                                           | 4511        |
| 9.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá). | 4530        |
| 10. | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết:<br>+ Bán buôn mô tô, xe máy;<br>+ Bán lẻ mô tô, xe máy                                                                                                            | 4541        |
| 11. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                     | 4631        |
| 12. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                               | 4632        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4633 |
| 14. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4634 |
| 15. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4641 |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>+ Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>+ Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế: Bán buôn dụng cụ y tế: bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...; Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính...<br>+ Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>+ Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>+ Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;<br>+ Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>+ Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>+ Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện | 4649 |
| 17. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4651 |
| 18. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4652 |
| 19. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4761 |
| 20. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4764 |
| 21. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4771 |
| 22. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế và chỉnh hình.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4772 |
| 23. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>+ Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>+ Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>+ Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh: móc chìa khóa<br>+ Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>+ Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>+ Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                | 4773 |
| 24. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5510 |
| 25. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5610 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5630 |
| 27. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7730 |
| 28. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7410 |
| 29. | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao<br>Chi tiết: Dụng cụ cần thiết cho câu cá, bao gồm cả lưới,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3230 |
| 30. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thiết bị, đồ dùng, dụng cụ thể dục thể thao, cần câu và thiết bị câu cá, đồ dùng cắm trại, thuyền và xe đạp thể thao.                                                                                                                                                                                                                                                         | 4763 |
| 31. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8230 |
| 32. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4512 |
| 33. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4513 |
| 34. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4653 |
| 35. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659 |
| 36. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>+ Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>+ Bán buôn xi măng;<br>+ Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>+ Bán buôn kính xây dựng;<br>+ Bán buôn sơn, vécni;<br>+ Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>+ Bán buôn đồ ngũ kim                                                                                                                                                        | 4663 |
| 37. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4711 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4719 |
| 39. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4721 |
| 40. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4722 |
| 41. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4723 |
| 42. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4741 |
| 43. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4742 |
| 44. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4752 |
| 45. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4753 |
| 46. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán lẻ đèn và bộ đèn;<br>- Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh;<br>- Bán lẻ thiết bị gia dụng;<br>- Bán lẻ nhạc cụ | 4759 |
| 47. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7710 |
| 48. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7721 |
| 49. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>Chi tiết: Cho thuê đồ dệt, trang phục và giày dép; Đồ đạc, gốm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng; Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phòng bạt, quần áo; Sách, tạp chí..                                                                                                                                                                                       | 7729 |
| 50. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005)                                                                                                                                                                                                                                                       | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LƯU VĂN TÀI

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 18/11/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031078000669

Ngày cấp: 10/01/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1 Giáp Lục, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 1 Giáp Lục, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯU VĂN TÀI

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc

Sinh ngày: 18/11/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031078000669

Ngày cấp: 10/01/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1 Giáp Lục, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 1 Giáp Lục, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội